

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+P1+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		15+6+1	0+0+0	
2		PPD+P8	7:25	1+21	0+0		1+21	0+0	
3		PVD1+P6	7:25	18+4	0+0		13+9	0+0	
4		MRM+CLO+BK21	9:25	18+0+3	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
5		P6+ CTK3+P6 +PVD1	9:25	0+16+6	0+0+0		0+15+7	0+0+0	chuyen 1 P6- CTK3
6		P10+AMD+TGTH4	9:25	3+15+4	0+0+0		1+15+6	0+0+0	
7		T.UNG	11:00	17	0		17	0	
8		TD1+P6+BK4	11:25	15+4+0	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
9		P7+P8+VSP01	11:25	4+8+10	0+0+0		0+3+18	0+0+0	
10		TTG2+TTG1+AMD	11:25	4+10+6	0+0+0		4+7+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày P8-2ng,

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	TO: VSP01 - P1 - BK16	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

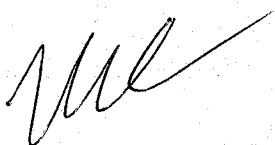
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BORVINSKI	VSP01	87	1	12	50	90	KH-THAC	Russian
2	TRUBOCHKIN	VSP01	88	1	7		84	KH-THAC	Russian
3	PHẠM VĂN ĐỨC	VSP01	98	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ QUANG HUY	VSP01	796-797	2	14		79	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	82	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOANG THANH	VSP01	83	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	97	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHAU	VSP01	85	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	84	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THƯỢNG HAI	VSP01	800	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	93-94	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG PHÚC LƯƠNG	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	95	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TOÀN	VSP01	798	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	91	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUY	VSP01	90	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH TUÂN	VSP01	799	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	89	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
21	VU HAI ĐĂNG	VSP01	96	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN THANH HA	VSP01					66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	21	130	1.638	50	15		
2	P1	0	0	0	0	0	6		
3	BK16	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		22	21	130	1.638	90	22		
WEIGHT KG				130	1.638	90			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

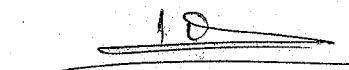
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PPD - P8	CREW: Nam - N.Anh - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN DUÂN	PPD	19-20	2	13	3	67	NHATHAU	Vietnamese
2	NGUYỄN KIM SON	P8	87	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese
3	BONDARENKO V.	P8	85	1	6	18	96	DIEU HAN	Russian
4	POPOV A.	P8	86	1	5		76	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN TRONG HÒA	P8	83-84	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8					68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	79-81	3	13		73	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	93-94	2	16		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					88	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TÚ ANH	P8	88	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THÀNH NAM	P8	75	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	90	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	76-77	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HUY	P8	82	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	78	1	10		126	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	96	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HOANG GIANG	P8	92	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	89	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI QUÂN	P8	95	1	13		62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG THẮNG	P8	97	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG TRÍ NAM	P8	74	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8	91	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

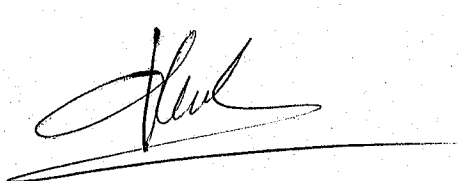
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	1	2	13	67	3	1		
2	P8	21	24	149	1.549	33	21		
TOTAL		22	26	162	1.616	36	22		
WEIGHT KG				162	1.616	36			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

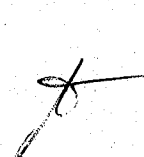
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	TO: PVD1 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG QUAN MINH	PVD1	56-57	2	14		61	PVD-BH	Vietnamese
2	TRINH HUU TRUNG	PVD1	49-50	2	11		82	PVDDD	Vietnamese
3	NGUYEN DUY SON	PVD1	51	1	8		70	PVDDD	Vietnamese
4	HOANG HUU BINH	PVD1	39	1	10		75	PVD	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC CONG	PVD1	40	1	9		65	PVD	Vietnamese
6	TRAN ANH	PVD1	58	1	4		66	PVD	Vietnamese
7	NGUYEN VAN QUANG	PVD1	96	1	5		68	PVD	Vietnamese
8	TRAN VAN ĐỨC	PVD1	300	1	7		72	PVD	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CHUONG	PVD1	42	1	5		85	PVD	Vietnamese
10	LE VAN GIAP	PVD1	54	1	6		70	PVD	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC TINH	PVD1	98-99	2	11		75	PSV	Vietnamese
12	ĐANG DINH KHAI	PVD1	41	1	10		75	PSV	Vietnamese
13	ĐO ĐỨC HIỆP	PVD1	97	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH DƯƠNG	PVD1	38	1	8		63	PVD TECH	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TAM	PVD1	55	1	9		70	PVD TECH	Vietnamese
16	LE ANH PHUOC	PVD1	43-44	2	17		92	PVD TECH	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TUAN	PVD1	45-46	2	13		83	PVD TECH	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC TẠP	PVD1	47-48	2	12		73	PVD TECH	Vietnamese
19	CHERNIAVSKIY D S	P6	09	1	4	40	112	KH-THAC	Russian
20	PIATOV S.V	P6	08	1	7		97	KH-THAC	Russian
21	HA DUY ĐÔNG	P6	10	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TIEN DUNG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

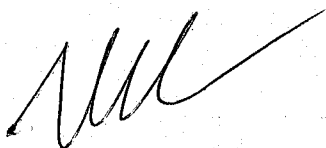
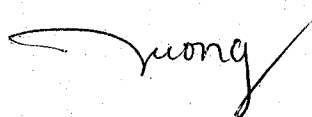
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	18	24	164	1.300	0	13		
2	P6	4	3	15	384	40	9		
TOTAL		22	27	179	1.684	40	22		
WEIGHT KG				179	1.684	40			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: MRM - CLO - BK21	CREW: Hạnh - VLinH - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

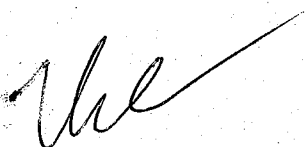
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAMASHEV ALBERT	MRM	92	1	11		78	AMNGR	Russian
2	TROIANOV DMITRII	MRM	83-84	2	18		82	AMNGR	Russian
3	NABOKOV ANDREY	MRM	93	1	9		80	AMNGR	Russian
4	MOROZOV ANDREI	MRM	88	1	14		98	AMNGR	Russian
5	PIKULSKII TIMUR	MRM	85-87	3	20		120	AMNGR	Russian
6	TRẦN LÂM THỌ	MRM	77	1	4		60	HONG HA	Vietnamese
7	PHAN HUY CHUÔNG	MRM	78	1	5		65	HONG HA	Vietnamese
8	LE HUU NGHIA	MRM	81	1	10		75	PETROSEI	Vietnamese
9	LE TON VU	MRM	82	1	9		60	PETROSEI	Vietnamese
10	HOANG XUAN CANH	MRM	71	1	7		68	PETROSEI	Vietnamese
11	DMITRII MIKHAILOV	MRM	91	1	2		116	HALLIBUR	Russian
12	EREMEEV E.	MRM	70	1	16		93	KHOAN	Russian
13	CHU DINH THANH	MRM	79-80	2	18		50	DVL	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN THAI	MRM	73-74	2	18		65	DVL	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HÙNG	MRM	75-76	2	20		68	DVL	Vietnamese
16	HUYNH VŨ TÍNH	MRM	72	1	12		65	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC NINH	MRM	90	1	15	30	75	DVL	Vietnamese
18	DƯƠNG THẾ ĐỨC	MRM	89	1	14		76	DVL	Vietnamese
19	BUI VĂN QUỐC	BK21	04	1	4		59	GETRACO	Vietnamese
20	LE TRUNG TUAN	BK21	02	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC QUỐC	BK21	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	24	222	1.394	30	18		
2	CLO	0	0	0	0	0	1		
3	BK21	3	3	18	201	0	3		
TOTAL		21	27	240	1.595	30	22		
WEIGHT KG				240	1.595	30			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

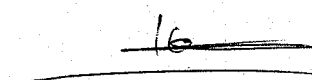
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	TO: P6 - CTK3 - PVD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHUONG VAN MINH	P6	84	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI TRỌNG BÌNH	P6	34	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐẠI THANH	P6	92	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN HOAN	P6	93	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					66	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VĂN TÙNG	P6	99	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HUY THAI	P6	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG THAI ANH	P6	95	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC QUY	P6	85	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	79	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG MINH	P6	91	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG HUY	P6	96	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VIỆT SƠN	P6	35	1	5		59	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUNG	P6	97-98	2	7		61	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN KHANH	P6	94	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG QUY	PVD1	61	1	10		63	PVDWS	Vietnamese
18	ĐINH QUANG HUY	PVD1	62	1	5		60	PVDWS	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LỢI	PVD1				25	65	XAYLAP	Vietnamese
20	TÔ QUỐC TUÂN	PVD1	63	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VĂN TÂN	PVD1	52	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN KHẮC THỊNH	PVD1	53	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	16	16	90	1.137	0	15	1	CHUYEN 1 P6-CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	80.45	0		
3	PVD1	6	5	55	383	25	7		
TOTAL		22	21	145	1.520	105	22		
WEIGHT KG				145	1.520	105.5			

GRAND TOAL: 1.770 KGS + 5kg

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: P10 - AMD - TGTH4	CREW: Phong - MTHAO - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TUẤN ANH	P10	97	1	15	26	63	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC HUNG	P10	98	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH NGỌC	P10	99	1	14		95	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN AN	AMD	72	1	8	60	70	HLJOC	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ BA LINH	AMD	74-75	2	15		75	HLJOC	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	80	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	76	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	79	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	68-69	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN QUANG	AMD	83	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	84	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	81	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	78	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	70	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC CUÔNG	AMD	77	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VĂN SAU	AMD	73	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUY	AMD	82	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN TỬ	TGTH4	21-22	2	12	20	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH4	16	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HAI LONG	TGTH4	17-18	2	15	35	77	HLJOC	Vietnamese
22	NGUYỄN HAI DẠNG	TGTH4	19-20	2	20		82	HLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

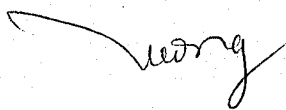
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	3	3	43	233	26	0		
2	AMD	15	17	101	1.025	60	16		
3	TGTH4	4	7	50	291	55	6		
TOTAL		22	27	194	1.549	141	22		
WEIGHT KG				194	1.549	141			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	TO: T.UNG	CREW: Phương - MMinh	ETA: 14:10
VANG			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HÔNG QUANG	T.UNG	03	1	6	40	74	KH-THAC	Vietnamese
2	DUƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	01-02	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC CUÔNG	T.UNG					85	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG MINH HIỂU	T.UNG	14	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	13	1	5	18	59	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH TÂM	T.UNG	12	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	16	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	08	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	04	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG					73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	06-07	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DƯ	T.UNG	15	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG	09	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG HÒA	T.UNG	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TỔ HÙNG DŨNG	T.UNG	17-18	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VIỆT KHANG	T.UNG	10	1	2		69	PSV	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG VƯƠNG	T.UNG	11	1	3		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	18	90	1.252	58	17		
TOTAL		17	18	90	1.252	58	17		
WEIGHT KG				90	1.252	58			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

fuel : 2150

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: TD1 - P6 - BK4	CREW: Hạnh - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HONG DIEN	TD1	97	1	5	20	70	GETRACO	Vietnamese
2	NGUYEN HAI LAM	TD1	99,400	2	16		66	XN KHOA	Vietnamese
3	DOAN VAN MUOI	TD1	88	1	12		62	XN KHOA	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG HUE	TD1	95	1	10		62	XN KHOA	Vietnamese
5	NGUYEN HUU LUAN	TD1	89	1	12		73	XN KHOA	Vietnamese
6	TRAN TRONG TIEN	TD1	91-92	2	20		82	XN KHOA	Vietnamese
7	NGO DUY NGOC	TD1	90	1	10		69	XN KHOA	Vietnamese
8	NGUYEN DUC VIET	TD1	96	1	14		54	XN KHOA	Vietnamese
9	TRAN VAN MANH	TD1	98	1	11		62	XN KHOA	Vietnamese
10	NGUYEN VAN QUYET	TD1	93	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
11	HA XUAN THANH	TD1	94	1	4		106	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DUC	TD1	86	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TAM	TD1	85	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VU CHI CONG	TD1	87	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC HUNG	TD1	84	1	8	90	70	KH-THAC	Vietnamese
16	VU HOANG QUAN	P6					65	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THACH	P6	09	1	7		55	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYEN NGO HOAN	P6	05-07	3	16		66	YTE	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG KHOA	P6	08	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	17	165	1.042	110	7		
2	P6	4	5	31	252	0	6		
3	BK4	0	0	0	0	50	9		
TOTAL		19	22	196	1.294	160	22		
WEIGHT KG				196	1.294	160			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/06/2022	TO: P7 - P8 - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: <i>Phong</i> - Manh - Vũ	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG QUYẾT THĂNG	P7	59	1	15	42	78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VIỆT HUÂN	P7	57	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TRONG NHIÊN	P7	58	1	13		54	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN TÂM	P7	56	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NAM HAI	P8	17,61	2	18		88	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG TRỌNG BAI	P8	48	1	15	80	70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG HIỆU	P8	52-53	2	20		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TRI	P8	49	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THAI SƠN	P8	50-51	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG MINH	P8	45	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUƠNG	P8	46-47	2	14		66	YTE	Vietnamese
12	TRẦN KHIÊM HIỆU	P8	60	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH LỢI	VSP01	86	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY DŨNG	VSP01	88-89	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	87	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	85	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO HUNG HAI	VSP01	84	1	11		70	ANTOAN	Vietnamese
18	HOANG ANH TU	VSP01	79	1	9		79	NIPI	Vietnamese
19	CÔNG ĐỨC TÂM	VSP01	81	1	7		73	NIPI	Vietnamese
20	HOANG MINH TÂN	VSP01	82-83	2	19		81	YTE	Vietnamese
21	DƯƠNG BA HÙNG	VSP01	80	1	7		67	PSV	Vietnamese
22	NGO QUANG HUNG	VSP01	90	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	4	51	269	42	0		
2	P8	8	12	98	585	80	4		
3	VSP01	10	12	93	730	0	18		
TOTAL		22	28	242	1.584	122	22		
WEIGHT KG				242	1.584	122			

GRAND TOAL: 1.948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: TTC2 - TTC1 - AMD	CREW: CHIẾN - Linh - N Nam	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH DUONG	TTC2	40	1	5	15	87	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN TUAN	TTC2					55	KH-THAC	Vietnamese
3	LE PHUONG	TTC2	49	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU VAN AN	TTC2	48	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUNG	TTC1				9	75	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYEN NHAT THANH	TTC1	32	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU DUC HUNG	TTC1	33	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN KHUONG	TTC1	36	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG QUANG HUY	TTC1	34	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN HUY	TTC1	38	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LAI ANH TUAN	TTC1	39-40	2	15	80	102	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HONG LINH	TTC1	37	1	12		59	KH-THAC	Vietnamese
13	LE THANH BINH	TTC1	35	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THUA THAI	TTC1	41	1	9	40	65	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VIET THANG	AMD	90	1	9	12	73	KH-THAC	Vietnamese
16	LE XUAN TUAN	AMD	88-89	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUOC THUAN	AMD	93	1	5		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN LAM THANG	AMD	94	1	4		87	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH SU	AMD	92	1	6		67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TAN VUONG	AMD	91	1	6		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	3	16	259	15	4		
2	TTC1	10	10	92	714	129	7		
3	AMD	6	7	40	426	12	11		
TOTAL		20	20	148	1.399	156	22		
WEIGHT KG				148	1.399	156			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN